

P. Phủ Lý, ngày 16 tháng 6 năm 2026

NỘI DUNG
CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ giáo
dục và đào tạo)

**I. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
MẦM NON**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên
Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	Ths	TS	CD	TS	Dưới TC
	Tổng số giáo viên cán bộ QL và nhân viên	45		1	26	12		6
I	Giáo viên	34			22	12		
	Nhà trẻ	5			3	2		
	Mẫu giáo	29			19	10		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2			
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Hiệu phó	2			2			
III	Nhân viên	8			2			6
1	Nhân viên văn thư	1			1			
2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Thủ quỹ	0						
4	Nhân viên y tế	0						
5	Nhân viên cấp dưỡng	4						4
6	NV Phục vụ	0						
7	Bảo vệ	2						2

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý	3
	Số lượng	3
	Tỉ lệ	100
2	Giáo viên	34
	Số lượng	34
	Tỉ lệ	100



c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Stt	Nội dung	Năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý	3
	Số lượng	3
	Tỷ lệ	100
2	Giáo viên	34
	Số lượng	34
	Tỷ lệ	100
3	Nhân viên	8
	Số lượng	8
	Tỷ lệ	100

2. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Năm học 2025-2026	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	2365,8 m ²	Đảm bảo yêu cầu
	Điểm trường	1	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	1.6	Đảm bảo yêu cầu
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng.	10	Đảm bảo yêu cầu
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ	16	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng vệ sinh	16	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng ngủ		
	Phòng khác		
2.2	Khối phòng phục vụ học tập	8	Đảm bảo yêu cầu
	Thư viện	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng thể chất	2	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng đa chức năng (NT)	2	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng khác	3	Đảm bảo yêu cầu
2.3	Khối phòng tổ chức ăn	3	Đảm bảo yêu cầu
	Nhà bếp	1	Đảm bảo yêu cầu
	Nhà kho	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng khác	1	Đảm bảo yêu cầu
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị	8	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng hiệu trưởng	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng phó hiệu trưởng	1	Đảm bảo yêu cầu
	Văn phòng trưởng	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng họp	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng hành chính quản trị	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng bảo vệ	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng y tế	1	Đảm bảo yêu cầu

	Phòng truyền thông		Đảm bảo yêu cầu
	Phòng nhân viên	1	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng khác		
2.5	Khối công trình công cộng		
	Nhà xe giáo viên	2	Đảm bảo yêu cầu
	Phòng khác		
	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	16	Đảm bảo yêu cầu
	Số lượng đồ chơi ngoài trời	5	Đảm bảo yêu cầu
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Đối chiếu với các chỉ báo, tiêu chí của từng tiêu chuẩn quy định trong Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Mầm non Hai Bà Trưng đã đạt được các chỉ báo, các tiêu chí của 5 tiêu chuẩn. Cụ thể như sau:

Đạt mức 1: Số lượng tiêu chí đạt 22/22 tiêu chí đạt tỷ lệ 100%

Đạt mức 2: Số lượng tiêu chí đạt 21/21 tiêu chí đạt tỷ lệ 100%

Đạt mức 3: Số lượng tiêu chí đạt 15/15 tiêu chí đạt tỷ lệ 100%

Đạt mức 4: Số lượng tiêu chí đạt 5/6 tiêu chí đạt tỷ lệ 83.3%

Mức đánh giá của nhà trường: Đạt mức 3.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận

Căn cứ vào Mục 3, Điều 6 Chương I của Thông tư số: 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Quyết định số 183/QĐ-SGDĐT ngày 08/5/2020 của giám đốc Sở GD&ĐT Tỉnh Hà Nam).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 (Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam).

II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026



- a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh
- b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội
- d) Thực đơn hàng ngày của trẻ

(Đăng trên trang Trang web: <https://mnhaibatrung.ninhbinh.edu.vn>)

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tháng 5 năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	396			63	78	105	150
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	396			63	78	105	150
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	396			63	78	105	150
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	396			63	78	105	150
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	396			63	78	105	150
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	396			63	78	105	150
1	Số trẻ cân nặng bình thường	392			63	77	103	149
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4				1	2	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	392			62	78	103	148
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	4			1	0	1	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	7			0	1	2	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	396			63	78	105	150
1	CTGD nhà trẻ	63			63			
2	Chương trình giáo dục MG	333				78	105	150
3	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	150						150



TRẦN THỊ KIM DUNG